

Số: 1001 /BVAG-KD

An Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Các thuốc không thuộc danh mục bảo hiểm chi trả cho Nhà thuốc bệnh viện

Kính gửi: Các nhà cung cấp thuốc Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá mua thuốc đáp ứng nhu cầu cấp cứu người bệnh, làm cơ sở dự trù kinh phí trình Hội đồng thuốc và điều trị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, Địa chỉ: số 60 đường Ung văn Khiêm, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

STT	Họ và tên	Chức Vụ	Số Điện Thoại	Địa chỉ email gửi báo giá
1	Nguyễn Minh Loan	Trưởng khoa Dược	0903760280	khoaduocbvag@gmail.com
2	Đinh Thị Thùy Trang	Nghiệp vụ Dược	0915445490	

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: số 60, đường Ung văn Khiêm, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

- Nhận qua email: khoaduocbvag@gmail.com. Báo giá gửi qua mail phải có người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h ngày 14 tháng 08 năm 2024 đến trước 17h ngày 24 tháng 08 năm 2024

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
1	L-ornithin L-aspartat	300mg	Melopower	Viên nang mềm	Uống	VD-25848-16; 893110211524	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	3.800
2	L-Ornithin L-Aspartat	500mg	Mezathin	Viên nang mềm	Uống	VD-22152-15	Công TY CPDP Hà Tây	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	3.430
3	Acid acetic	2%	MEPATYL	Thuốc nhỏ tai	Nhỏ tai	893110101723 (QLĐB-799-19)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	49.500
4	Acid alpha lipoic	200mg	Gumitic	Viên nang mềm	Uống	VD-28184-17	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	8.000
5	Acid ascorbic + Kẽm nguyên tố	100mg/5 ml + 10mg/5ml ; ống 5ml	Cezinco	Dung dịch uống	Uống	VD-35610-22	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 30 ống x 5ml	Ống	9.900
6	Acid ursodeoxycholic; thiamin mononitrat, riboflavin	50mg; 10mg; 5mg	Philurso	Viên nang mềm	Uống	VD-25044-16 ; 893110222424	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	6.390
7	Acid ursodeoxycholic; thiamin mononitrat, riboflavin	50mg; 10mg; 5mg	Usofin plus	Viên nang cứng	Uống	VD-18337-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.400
8	Alfacalcidol	0,25µg (mcg)	Ometadol	Viên nang mềm	Uống	VD-32441-19; 893110411424	Công ty TNHH Phil Inter Pharma - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4.800
9	Alginat natri, Natri bicarbonat, Canxi carbonat	(500mg+2 13mg+32 5mg)/ 10ml	Gaviscon Dual Action	Hỗn dịch uống	uống	VN-18654-15 (Có QĐ gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Anh	Hộp 24 gói x 10ml	Gói	7.422
10	Almagate	1.500mg/ 15ml	AMALGEL 1.5g	Hỗn dịch uống	Uống	VD-36203-22	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 gói x 15ml	Gói	6.500
11	Almagate	1,5g/ 15ml	Yumangel F	Hỗn dịch uống	Uống	VN-19209-15; 880100405823	Yuhan Corporation	Hàn Quốc	Hộp 20 gói 15ml	Gói	6.300
12	Almagate	10g/ 100ml	Ilmagino 1.5g suspension	Hỗn dịch uống	Uống	VN-18826-15	Il-Yang Pharma Co., Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 30 gói x15 ml	Gói	7.210
13	Almagate	1g/15ml	Yumangel	Hỗn dịch uống	Uống	VN-17995-14; 880100021724	Yuhan Corporation	Hàn Quốc	Hộp 20 gói 15ml	Gói	4.725
14	Almagate	500mg	Amalgel 500mg	Viên nén nhai	Uống	VD-35659-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.800
15	Almagate	500mg	Aluantine Tablet	Viên nén	Uống	VN-21118-18	APROGEN BIOLOGIC S INC.	Korea	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	8.000
16	Alpha - Terpineol 0,6g/60ml; Vitamin E 0,18g/60ml; Natri lauryl sulphat 4,8g/60ml	(0,6g; 0,18g; 4,80g)/ 60ml	Dailycare	Dung dịch dùng ngoài (dung dịch vệ sinh phụ nữ)	Dùng ngoài	VS-4910-15; 893100568924	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 1 chai 200ml dung dịch dùng ngoài	Chai	105.000

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SĐK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
17	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 125mg	875mg+125mg	Bactamox 1g	Viên nén bao phim	Uống	VD-22897-15;893110415524	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHA RM	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	16.800
18	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrate) 500mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 500mg	500mg; 500mg;	Trimoxtal 500/500	Viên nén bao phim	Uống	VD-32614-19	Công ty Cổ phần dược Minh Hải	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	19.400
19	Arginin HCl	300mg	Inopantine	Viên nang mềm	Uống	VD-18745-13	Công ty CPDP Me Di Sun - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2.200
20	Azelastin hydroclorid Fluticasone propionat	0,137mg 0,05mg	MESECA FORT	Thuốc xịt mũi	Xịt mũi	893110454424 (VD-28349-17)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 60 liều xịt	Lọ	120.000
21	Azintamide 75mg; Pancreatin 100mg; Cellulase 4000 10mg; Simethicon 50mg;	75mg + 100mg + 10mg + 50mg +	Azintal forte	Viên nén bao đường	Uống	VN-22460-19	IL Yang Pharm Co., Ltd	Korea	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	7.500
22	Biodiastase, Lipase, Newlase	30mg + 5mg + 10mg	YSPBiotase	Viên nén nhai	Uống	VN-15674-12	Y.S.P. Industries (M) Sdn. Bhd.	Malaysia	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	5.300
23	Bromhexin hydroclorid + Guaifenesin	4mg/5ml + 100mg/5ml; ống 5ml	Anbabrom-F	Dung dịch uống	Uống	893100420223	Công ty Dược phẩm thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	Ống	7.500
24	Budesonid+Formoterol + Glycopyrronium	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg, Glycopyrronium 7,2mcg, Formoterol fumarat dihydrat 5mcg	Breztri Aerosphere	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Hít	300110445423	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Hộp gồm một túi nhôm chứa một bình xịt 120 liều	Bình	1.040.000
25	Calci (dưới dạng Calci citrat 750mg) 158mg; Vitamin D (dưới dạng Cholecalciferol 4mg) 400IU	158mg 400IU	Dicarbo tablet	Viên nén	Uống	VN-17560-13; 880110135924	Kolmar Korea	Korea	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	3.450

IN
 NH V
 A KH
 RUNG
 AN GI

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
26	Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat 499,95 mg); Thiamin hydroclorid; Riboflavin natri phosphat; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Vitamin B5 (Dexpanthoenol); Cholecalciferol (Vitamin D3); Alpha tocopheryl acetat; Lysin hydroclorid	65mg, 1,5mg, 1,75mg, 10mg, 3mg, 5mg, 200IU, 7,5mg, 150mg	Pezipex	Siro	Uống	VD-34046-20	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	Việt Nam	Hộp 20 ống x 7,5ml	Ống	12.500
27	Calcium glucoheptonate + Acid ascorbic + Nicotinamid	550mg + 50mg + 25mg	Opecalcium	Dung dịch uống	Uống	VD-25236-16	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5 ml	Ống	7.500
28	Canxi, Phospho, Vitamin D3, Vitamin K1	120mg, 55mg, 2mcg, 8mcg	PM NextG Cal	Viên nang cứng	Uống	VN-16529-13	Probiotec Pharma Pty., Ltd.	Úc	Hộp 60 viên	Viên	5.855
29	Cao Cardus, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin PP	200mg, 8mg, 8mg, 16mg, 8mg, 24mg	Liverplant	Viên nang mềm	Uống	VD-30944-18	Công ty CPDP Me Di Sun - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 vỉ	Viên	3.500
30	Cao khô Ginkgo biloba 40 mg; Magnesi lactat dihydrat 470 mg; Pyridoxin hydroclorid 5 mg	40mg + 470mg + 5mg	Topbrain	Viên nén bao phim	Uống	VD-15309-11	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.000
31	Cao khô Kim tiền thảo (tương đương 1500 mg Kim tiền thảo) 105mg; Cao khô Râu mèo (tương đương 600 mg Râu mèo) 60mg; Cao khô Chuối hột (tương đương hạt chuối hột 1000mg) 20mg	1500mg + 600mg + 1000mg	Urimaxi	Viên nén bao phim	Uống	VD-30932-18	Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5.000
32	Cao khô lá bạch quả (tương đương với 28,8mg flavonoid toàn phần)	120mg	Superkan 120	Viên nén bao phim	Uống	VD-28174-17	Công ty CP Dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4.500

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
33	Cao khô lá bạch quả (tương đương với 19,2mg flavonoid toàn phần)	80mg	Superkan - F	Viên nén bao phim	Uống	VD-25838-16	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	3.000
34	Cao khô milk thistle (Silybum marianum extractum siccum) tương ứng với silymarin 70mg; Vitamin B1(Thiamin mononitrat) 4mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 4mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 4mg; Vitamin B5 (Calci pantothenat) 8mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 12mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 1,2mcg	70mg + 4mg + 4mg + 4mg + 8mg + 12mg + 1,2mcg	Totchogans	Viên nang cứng	Uống	VD-35755-22	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	6.500
35	Cao nấm linh chi 30mg; Cao nhân sâm Triều Tiên 120mg; Cao nhung hươu 30mg; Riboflavin 1,2mg; Tocopheryl acetate 12mg	30mg + 120mg + 30mg + 1,2mg + 12mg	Ginplus	viên nang mềm	Uống	VD-19705-13; 893110639824	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 6 vi x 5 viên	Viên	3.000
36	Cefprozil	500mg	Natrofen	Viên nén bao phim	Uống	VN-21377-18	Remedina S.A.	Hy Lạp	Hộp 3 vi x 4 viên	Viên	35.000
37	Cefprozil	250mg	Cefprozil 250	Viên nén bao phim	Uống	VD-35249-21	Công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	Hộp 1 vi, 3 vi x 10 viên	Viên	19.000
38	Chlorhexidin digluconat	0,5g/ 250ml	MEDORAL	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Súc miệng	VS-4919-15	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 chai 250 ml	Chai	100.000
39	Cholin alfoscerat	400 mg	Dicenin	Viên nang mềm	Uống	VD-19524-13	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	12.000
40	Clindamycin ; Clotrimazol	100mg + 200mg	Vagsur	Viên nang mềm đặt âm đạo	Uống	VD-28997-18	Công ty CP Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên	19.000



TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
41	Dầu cá ngữ tự nhiên (chứa: Eicosapentaen oic acid 60mg; Docosahexaen oic acid 260mg; Omega-3 marine triglycerides 320mg) 1g	(60mg, 260mg, 320mg) 1g	Dasbrain	Viên nang mềm	Uống	VN-18228-14	Catalent Australia Pty. Ltd.	Úc	Hộp 30 viên	Viên	13.700
42	Dextromethorphan HBr + Benzocain	5mg + 7,5mg	Star cough relief	Viên nén ngậm	Ngậm	VD-22503-15	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 7 vi x 4 viên	Viên	2.400
43	Dried ferrous sulfate, Acid Folic, Acid Ascorbic, Thiamin Mononitrat, Riboflavin, Pyridoxin HCl, Nicotinamide	150mg; 0.5mg; 50mg; 2mg; 2mg; 1mg; 10mg	Eskafolvit Capsule	Viên nang bao tan trong ruột	Uống	VN-16693-13 (Có CV gia hạn SDK)	Eskayef Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	Hộp 15 vi x 6 viên	Viên	6.500
44	Edoxaban	30mg	Lixiana	Viên nén bao phim	Uống	VN3-366-21	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Germany	14 viên/ vi x 2 vi/ hộp	Viên	54.000
45	Edoxaban	60mg	Lixiana	Viên nén bao phim	Uống	VN3-367-21	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Germany	14 viên/ vi x 2 vi/ hộp	Viên	54.000
46	Empagliflozin ; Linagliptin	10mg; 5mg	Mactapro 10/5 mg	Viên nén bao phim	Uống	893110242224	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	27.000
47	Empagliflozin ; Linagliptin	25mg; 5mg	Triembes 25/5	Viên nén bao phim	Uống	893110296024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 02 vi x 10 viên, Hộp 03 vi x 10 viên	Viên	25.000
48	Febuxostat	40 mg	Fasmat 40	Viên nén bao phim	Uống	VD3-86-20; 893110228423	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	15.500
49	Febuxostat	40mg	Vaidilox	Viên nén bao phim	Uống	QLĐB-623-17	Chi nhánh công ty cổ phần Armephaco-Xí nghiệp dược phẩm 150	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	13.000
50	Fish oil-natural, Glucosamine sulphate-potassium chloride complex, Chondroitin sulphate - shark	500mg, 500mg, 11.1mg	Bonlutin	Viên nang mềm	Uống	VN-11750-11	Catalent Australia Pty. Ltd.	Úc	Hộp 60 viên	Viên	6.000

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
51	Glucosamin sulphat (đưới dạng Glucosamin sulphat kali clorid 663,5 mg) 500 mg; Natri chondroitin sulfat 400 mg	500mg 400mg	AGIMSAM IN F	Viên nén bao phim	Uống	VD-33371-19	Chi nhánh Công ty Cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	7.552
52	Hỗn hợp Probiotic (gồm Lactobacillus acidophilus, Bifidobacterium longum, Lactobacillus rhamnosus) 100.000.000 CFU	$\geq 10^8$ CFU; $\geq 10^8$ CFU $\geq 10^8$ CFU	Lengaza	Thuốc bột uống	Uống	VD-19149-13 (công văn duy trì số: 62/QĐ - QLD, ngày 08/02/23)	Công ty liên doanh Dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	Hộp 30 gói x 1g, Thuốc bột uống	Gói	4.410
53	Insulin Glargine; Lixisenatide	Insulin Glargine 100 đơn vị/ml, Lixisenatide 50µg/ml	SOLIQUA SOLOSTAR	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Tiêm dưới da	SP3-1236-22	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 3 bút tiêm x 3ml	Bút tiêm	621.000
54	Lactobacillus Acidophilus 10 ⁸ CFU; Thiamin nitrat 0.3mg	0.3mg	ZENTOZIN	Dạng bột	Uống	QLSP-0745-13(cv gia hạn số:18217e/ QLD- ĐK ngày 09/11/2021)	C.Ty Liên Doanh DP Mebiphar-Austrapharm, Việt Nam	Việt Nam	Hộp 15 gói, hộp 20 gói, hộp 30 gói x 1 gam	Gói	4.600
55	L-Arginin hydroclorid Thiamin hydroclorid Pyridoxin hydroclorid	250mg + 100mg + 20mg	Arpyxin	Viên nén bao phim	Uống	VD-35711-22	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5.400
56	L-Isoleucin + L-Leucin + L-Valine	952mg + 1904mg + 1144mg, gói 4,8g	Hekalone	Cốm pha dung dịch uống	Uống	893110131423	CT Dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Hộp 30 gói	Gói	32.000
57	L-leucin + L-isoleucin + L-Lysin HCl + L-Phenylalanin + L-threonin + L-valin + L-tryptophan + L-Histidin hydroclorid monohidrat + L-Methionin	320,3mg + 203,9mg + 291mg + 320,3mg + 145,7mg + 233mg + 72,9mg + 216,2mg + 320,3mg	Branchamine	Thuốc cốm	Uống	VD-34552-20	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Hộp 30 gói	Gói	16.800

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
58	L-leucin 320,3mg; L-isoleucin 203,9mg; L-Lysin HCl 291mg; L-Phenylalanin 320,3mg; L-threonin 145,7mg; L-valin 233mg; L-tryptophan 72,9mg; L-Histidin hydroclorid monohydrat 216,2mg; L-Methionin 320,3mg	320,3mg; 203,9mg; 291mg; 320,3mg; 145,7mg; 233mg; 72,9mg; 216,2mg; 320,3mg	Jafumin	Thuốc cốm	Uống	VD-26790-17; 893110101824	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn	Việt Nam	Hộp 2 túi nhôm x 10 gói x 2,5g	Gói	17.850
59	L-Lysine HCl 0,6g/30ml; Thiamin HCl 6mg/30ml; Riboflavin (dưới dạng Riboflavin sodium phosphat) 6,7mg/30ml; Pyridoxin HCl 12mg/30ml; Nicotinamid 40mg/30ml; Alpha Tocopheryl acetat 30mg/30ml; Calcium (dưới dạng Calcium lactat pentahydrat) 260mg/30ml	150mg+1,5mg+1,67mg+3mg+10mg+7,5mg+65mg	Lysinkid-Ca	Siro	Uống	VD-18462-13 (Có CV gia hạn)	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Việt nam	Hộp 30 gói x 7,5ml	Gói	
60	L-Ornithin - L-Aspartat	3000 mg	Ornithin 3000	Thuốc bột	Uống	VD-35756-22	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g	Gói	26.250
61	L-Ornithin - L-Aspartat	400mg	Batonat	Viên nang mềm	Uống	VD-22373-15	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	5.000
62	L-ornithin - L-aspartat	5000mg	Soluxky 5g	Thuốc cốm sủi bọt	Uống	893110065423	Công ty cổ phần dược phẩm Wealpar	Việt Nam	Hộp 10 gói x 8g	Gói	47.000
63	L-Ornithin L-aspartat	500mg	Orga-Hepa	Viên nang mềm	Uống	VD3-169-22	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5.400
64	L-Ornithine L-Aspartate	200mg	Pharnomax	Viên nang mềm	Uống	VD-29803-18 ; 893110197124	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Viên	3.900

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
65	L-Ornithine L-Aspartate	300mg	Lubirine	Viên nang mềm	Uống	VD-21565-14; 893100474824	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4.200
66	Lornoxicam	8 mg	Sozfax 8	Viên nén bao phim	Uống	VD-34449-20	Công ty Cổ phần TM Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	11.500
67	Lornoxicam	4mg	Lornomeyer 4	Viên nén	Uống	VD-35098-21	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6.300
68	Lornoxicam	8 mg	My-Rise	Viên nén bao tan trong ruột	uống	VD-31122-18 (cv gia hạn số: 758/QĐ-QLD ngày 13/10/2023); 893110336824	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	11.500
69	Mỗi 1g kem chứa: Butenafine hydrochloride 10mg	10mg	BUTEFIN 1% Cream	Thuốc kem bôi ngoài da	Bôi ngoài	VN-21405-18	Berko Ilac ve Kimya San. A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 tuýp 15g	Tuýp	107.500
70	Mỗi gói 10g chứa: Oxetacain 20mg; Nhôm hydroxid (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 612mg; Magnesi hydroxid 195mg	20mg; 612mg; 195mg	Glumarix	Hỗn dịch uống	Uống	VD-21431-14	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10g	Gói	6.200
71	Mỗi gói 10ml chứa: Oxetacain (Oxethazain) 20mg; Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô) 582mg; Magnesi hydroxid 196mg	20 mg, 582 mg, 196 mg	Gastsus	Hỗn dịch uống	Uống	VD-30213-18	Công ty TNHH BRV Healthcare - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 30 gói	Gói	7.500



TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
72	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Trelegy Ellipta	Thuốc bột hít phân liều	Hít qua đường miệng	500110439823	Glaxo Operations UK Limited (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	Hộp	1.225.000
73	Mosaprid citrat	5mg	Mosad MT 5	Viên nén	Uống / Ngậm	VN-18968-15;890110416623	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	2.800
74	Mosaprid citrat	5mg/0,5g	Abamotic	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	VD-33987-20	Công ty CP Dược phẩm và Thương Mại Phương Đông	Việt Nam	Hộp 30 gói	Viên	11.700
75	Natri alginate, Natri bicarbonate, Calci carbonate	(500mg+267mg+160mg)/10ml	Gaviscon	Hỗn dịch uống	uống	VN-13849-11(Có QĐ gia hạn số 136/QĐ-QLD ngày 29/02/2024); 500100136224	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited	Anh	Hộp 24 gói x 10ml	Gói	6.135
76	Neomycin sulfate; Betamethason e sodium phosphate	35.000 IU; 10mg (0,1% kl/tt)	POEMA NEW	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	Nhỏ mắt, mũi, tai	893110253524	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	19.000
77	Nicergolin	10mg	Neuceris	Viên nén bao phim	Uống	VD-22728-15	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp, 3 vi x 10 viên (vi nhôm - nhôm hoặc vi nhôm - PVC)	Viên	6.800

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
78	Omeprazol + Natri Bicarbonat	20mg;1680mg	Hebozeta 20	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	VD-36257-22	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Hộp 30 gói	Gói	9.800
79	Omeprazol + Natri Bicarbonat	20mg + 1100mg	Zegecid 20	Viên nang	Uống	VN-20902-18; 890110001524	Ajanta Pharma Limited	Ấn Độ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	6.300
80	Paracetamol + Vitamin C	500mg + 150mg	Effer-Paralmax C 500/150	Viên nén sủi bọt	Uống	VD-34572-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 4 viên	Viên	5.300
81	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calcium)	2 mg	Pitator Tablets 2mg	Viên nén bao phim	Uống	VN-20588-17	Oreint Pharma Co., Ltd.	Đài Loan	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	16.929
82	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calcium)	4 mg	Pitator Tablets 4mg	Viên nén bao phim	Uống	VN-22667-20	Orient Pharma Co., Ltd.	Đài Loan	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	23.000
83	Prasugrel	10mg	Jasugrel	Viên nén bao phim	Uống	VN3-397-22	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Germany	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	36.000
84	Sacubitril + Valsartan	48,6mg và 51,4mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 113,103mg)	Uperio 100mg	Viên nén bao phim	Uống	VN3-48-18; 800110436023	Novartis Farma SpA	CSSX : Singapore; ĐG và XX: Ý	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	20.000
85	Sacubitril + Valsartan	97,2mg và 102,8mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 226,206mg)	Uperio 200mg	Viên nén bao phim	Uống	VN3-49-18; 800110436123	Novartis Farma SpA	CSSX : Singapore; ĐG và XX: Ý	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	20.000
86	Silymarin+Diệp hạ châu+Ngũ vị tử+Cao nhân trần+Curcuma loga	70mg+200mg+25mg+50mg+25mg	Silymax complex	Viên nang cứng	Uống	VD-32966-19	Công ty CP Dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	Viên	6.500
87	Tenofovir alafenamide (dưới dạng Tenofovir alafenamide fumarate)	25 mg	Vemlidy	Viên nén bao phim	Uống	VN3-249-19; 539110018823	Gilead Sciences Ireland UC	Ireland	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	44.115
88	Tolvaptan	15mg	Samsca	Viên nén	Uống	VN2-565-17; 880110032323	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	315.000
89	Ubidecarenon (Coenzyme Q10)	30mg	Bestimac Q10	Viên nang mềm	Uống	VD-28179-17	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4.550
90	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	100mg	ZY-10 Forte	Viên nang mềm	Uống	VN-22623-20	Indchemie Health Specialities Pvt.Ltd	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	15.150



TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
91	Umeclidinium (dạng bromide) + vilanterol (dạng trifenate)	62,5mcg + 25mcg	Anoro Ellipta	Thuốc bột hít phân liều	Hít qua đường miệng	VN3-232-19; 500110088623	Glaxo Operations UK Limited (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	Hộp	778.000
92	Vincamin + Rutin	20mg, 40mg	Ramcamin	Viên nang cứng	Uống	VD-23591-15; 893110367323	Công ty CPDP Me Di Sung	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5.400
93	Vincamin + Rutin	20mg+ 40mg	Anbatik	Viên nang cứng	Uống	VD-32768-19; 893110478424	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên; viên nang cứng	Viên	7.950
94	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin B12 + Vitamin C + Vitamin PP + Acid folic + Calci pantothenat + Calci lactate + Đồng sulfat + Sắt fumarat + Kali iod	1250 IU+ 250 IU+ 5mg+ 2mg+ 2mg+ 3mcg+ 50mg+ 18mg+ 200mcg+ 5mg+ 147,3mg+ 1,02mg+ 60,68mg+ 23,5mcg	Kogimin	Viên nang mềm	Uống	VD-19528-13	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	3.000
95	Vitamin A, D3, E, C, B1, B2, B6; L-Lysin HCl; Calci (dưới dạng Calci glycerophosphat)	200mg; + 210mg; + 1000IU; + 100IU; + 10mg; + 3mg; + 3mg; + 2mg	Gadacal	Dung dịch uống	Uống	VD- 18954-13 (công văn duy trì số: 62/QĐ - QLD, ngày 08/02/23)	Công ty CPDP Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml Dung dịch uống	Ống	10.200
96	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B2 (Riboflavin); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin PP (Nicotinamid)	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) 5mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 2mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 20mg	Vitatum - B Complex	Viên nang cứng	Uống	VD-24675-16	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4.000

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Đường dùng	SDK - GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Giá kê khai/ KKL
97	Vitamin B1 15 mg; Vitamin B2 15 mg; Vitamin B5 23 mg; Vitamin B6 10 mg; Vitamin B8 0,15 mg; Vitamin B12 0,01 mg; Vitamin C 1000 mg; Vitamin PP 50 mg; Calci carbonat (tương đương 100 mg calci) 250,25 mg; Magnesi carbonat (tương đương 100 mg magnesi) 350 mg	15 mg; 15 mg; 23 mg; 10 mg; 0,15 mg; 0,01 mg; 1000mg; 50 mg; 250,25 mg; 350 mg	Vitatum energy	Viên nén sủi bọt	Uống	VD-21198-14	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 8 viên, 10 viên	Viên	8.000
98	Vitamin B6 (Pyridoxin HCL); Vitamin PP (Nicotinamid) ; Vitamin B5(Calcium D- pantothenat); Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B2 (Riboflavin)	10mg + 50mg + 25mg + 15mg + 15 mg	B- Coenzyme	Viên bao đường	Uống	VD-33617-19	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	4.400
99	Zofenopril calci	30 mg	Bifril	Viên nén bao phim	Uống	VN3-34-18; 800110087923	A. Menarini Manufacturi ng Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên	8.000
100	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg/ 1000mg	Xigduo XR	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Uống	VN3-216-19	AstraZeneca Pharmaceuti cals LP	Mỹ	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên	22.600

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KD, VT.



Nguyễn Duy Tấn

